TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H Đ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **121**/2020/QĐST-HNGĐ	*H Đ, ngày 17 tháng 02 năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2020/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Dương Thủy B, sinh ngày 18/3/1989.

HKTT: Số 8 Đ T H, phường N T, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Ngõ 199 H T M, tập thể A1, P301, phường C D, quận N T L, thành phố Hà Nội.

- Anh Phạm Ngọc T, sinh ngày 12/8/1987.

Trú tại: Số 8 Đ T H, phường N T, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thủy B và anh Phạm Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường N T , quận H Đ, thành phố Hà Nội năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp, hay xảy cãi vã, xung đột, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Hai vợ chồng và gia đình đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị B, anh T đều xác địnhtình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Dương Thủy B và anh Phạm Ngọc T xác nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 24/9/2008 và Phạm Bảo N1, sinh ngày 27/2/2010.

Ly hôn chị B, anh T thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh T chưa yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi các bên sự thỏa thuận thay đổi khác.

Chị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị B, anh T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

4. Về công nợ chung: Chị B, anh T thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

5. Về lệ phí: Chị B tự nguyện nộp cả 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thủy B và anh Phạm Ngọc T đều thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 24/9/2008 và Phạm Bảo N1, sinh ngày 27/2/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chưa yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi các bên sự thỏa thuận thay đổi khác.

Chị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

- Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí: Chị B tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008737 ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận H Đ)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận H Đ;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kiểm